

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ - ST.

Ngày: 18 - 7 - 2019

V/v *Tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Bùi Khoa Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ: Ông
Hoàng Tuấn Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST- HNGĐ ngày 11/4/2019 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 03/7/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 5 xã T, huyện T, tỉnh P

Bị đơn: Anh **Hoàng Minh Th**, sinh năm 1969 (Vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Khu 5 xã T, huyện T, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trong đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Hoàng Minh Th ngày 13/11/1994, trước khi kết hôn chị được tìm hiểu, thỏa thuận và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, anh chị cùng nhau làm ăn, sinh sống tại xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tình cảm vợ chồng lúc đầu hòa thuận hạnh phúc được khoảng 4 năm. Đến năm 1999 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường

xuyên bắt đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về công việc làm ăn và nuôi dạy con chung, nên thường xuyên vợ chồng xảy ra cãi, chửi lẫn nhau, sau khi mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 1999 đến nay. Hai bên không quan tâm gì đến tình cảm của nhau nữa. Chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Minh Th.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thành V, sinh ngày 6/9/199x. Hiện cháu V đã thành niên và có việc làm thu nhập, cuộc sống ổn định. Cháu Hoàng Thị T1, sinh ngày 9/1x/1999. Hiện nay cháu T1 đi xây dựng gia đình có cuộc sống ổn định, khi ly hôn về con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng có một số tài sản chung nhưng vợ chồng đã thỏa thuận với nhau song, nay ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Minh Th trong bản tự khai ngày 07/5/2019 trình bày:

Anh Hoàng Minh Th kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 13/11/1994, trước khi kết hôn anh có tìm hiểu, tự nguyện đăng ký tại UBND xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị làm ăn sinh sống tại xã T, huyện Thanh Thủy, tình cảm vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 1996 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình gặp khó khăn và vợ chồng không thống nhất được với nhau về công việc làm ăn và nuôi dạy con chung, nên thường xuyên vợ chồng xảy ra cãi, chửi lẫn nhau, sau đó được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 1996 đến nay. Hai bên không quan tâm gì đến tình cảm của nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thành V, sinh ngày 6/9/199x. Hiện cháu V đã thành niên và có việc làm thu nhập, cuộc sống ổn định. Cháu Hoàng Thị T1, sinh ngày 9/1x/1999. Hiện nay cháu T1 đi xây dựng gia đình có cuộc sống ổn định, khi ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh Hoàng Minh Th xác định vợ chồng anh có một số tài sản chung nhưng vợ chồng đã thỏa thuận với nhau song, nên khi ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản cho vay: Anh Hoàng Minh Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 27/5/2019. Tại UBND xã Trung Nghĩa, huyện Thanh Thủy ông Phạm Văn Viên - Phó Chủ tịch UBND xã T cung cấp cho Tòa án biết là vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Minh Th sinh sống tại khu 5 xã T có tổ chức đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng anh chị đã có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Hiện nay chị T và anh Th vẫn đang sinh sống tại địa phương, nhưng đã sống ly thân khoảng 20 năm nay, vợ chồng anh chị có 2 người con chung các cháu đã trưởng thành. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn của chị T và anh Th theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản xác minh ngày 27/5/2019. Tại Ban Công an xã T, huyện T Thủy ông Nguyễn Văn Tư – Trưởng Công an xã T cung cấp cho Tòa án biết. Anh Hoàng Minh Th, sinh năm 1969 có hộ khẩu tại khu 5 xã T, huyện Thanh Thủy, không làm thủ tục tạm vắng, tạm trú đi đâu. Hiện nay anh Hoàng Minh Th vẫn đang làm ăn sinh sống tại xã T, chưa chuyển khẩu đi đâu.

Tại biên bản xác minh ngày 27/5/2019 bà Nguyễn Thị Minh, trưởng khu hành chính 5 xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ cung cấp cho Tòa án biết. Vợ chồng chị T anh Th sinh sống tại khu 5 xã T, huyện Thanh Thủy, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Hiện nay chị T và anh Th vẫn đang sinh sống tại địa phương nhưng đã sống ly thân khoảng 20 năm nay, vợ chồng anh chị có 2 người con chung các cháu đã thành niên. Quan điểm của khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn của chị T và anh Th theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 27/5/2019 bà Nguyễn Thị Tuyên - Chủ tịch Hội phụ nữ xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ cho Tòa án biết: Vợ chồng chị T anh Th sinh sống tại khu 5 xã T, huyện Thanh Thủy, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Hiện nay chị T và anh Th vẫn đang sinh sống tại địa phương nhưng đã sống ly thân khoảng 20 năm nay, vợ chồng anh chị có 2 người con chung các cháu đã thành niên. Quan điểm của Hội phụ nữ xã T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn của chị T và anh Th theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện thanh Thủy tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc nhận đơn, phân công Thẩm phán giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán; Thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án, triệu tập các đương sự đến Tòa án để giải quyết, điều tra, xác minh, thu thập

chứng cứ và niềm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Các đương sự: Nguyên đơn đã tham gia tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, Điều 71- của Bộ luật tố tụng Dân sự và đã thực hiện đúng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn không chấp hành, không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72- Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn anh Hoàng Minh Th. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Minh Th .

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thành V, sinh ngày 6/9/199x. Hiện cháu Việt đã thành niên. Cháu Hoàng Thị T1, sinh ngày 9/1x/1999. Hiện nay cháu T1 đã xây dựng gia đình có cuộc sống ổn định, nên không đặt ra đề giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị T và anh Th xác định vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng vợ chồng đã thỏa thuận với nhau song, nên không đặt ra đề giải quyết.

Về án phí chị Nguyễn Thị T chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Minh Th là bị đơn trong vụ án Hôn nhân và gia đình. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập chị T và anh Th đến giải quyết, chị T và anh Th đã đến Tòa án giải quyết, có bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, sau đó Tòa án đã nhiều lần triệu tập cho chị T và anh Th đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải chị T có mặt, anh Th vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, niềm yết các văn bản tố tụng nơi anh Th có hộ khẩu thường trú tại khu 5 xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Nhưng anh Th vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa án thể hiện tại các biên bản giao nhận, biên bản niềm yết có lưu trong hồ sơ vụ án. Căn cứ điểm b Khoản 2 điều 227

của Bộ luật tổ tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khác. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Minh Th kết hôn với nhau năm 1994, việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng anh chị bước đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó đã phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Th không tập chung cùng chị T làm ăn xây dựng cuộc sống gia đình, nên vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn cãi chửi lẫn nhau, sau khi mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được.

Mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, vợ chồng anh chị đều khẳng định đã sống ly thân 20 năm nay, hai bên không còn quan tâm gì đến tình cảm cuộc sống của nhau nữa, nay chị T xin được ly hôn anh Hoàng Minh Th.

Về phía anh Th lại cho rằng trong cuộc sống vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau, nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng trong một thời gian dài 20 năm vợ chồng anh chị sống ly thân, nhưng anh Th không có biện pháp cụ thể, hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không thể hiện tình cảm, quan tâm đến cuộc sống của gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Th nhiều lần đến để giải quyết nhưng anh đều vắng mặt không lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, niêm yết các văn bản tố tụng nơi anh Th sinh sống theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Th vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ vào điểm b, Khoản 2 Điều 227 – BLTTDS. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh Hoàng Minh Th. Do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị T và xử cho chị Nguyễn Thị T Được ly hôn anh Hoàng Văn Th là phù hợp với luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T Được ly hôn anh Hoàng Văn Th.

[3] Về con chung: Chị T và anh Th có người 02 con chung là cháu Hoàng Thành V, sinh ngày 6/9/199x. Hiện cháu V đã thành niên có việc làm, thu nhập và

cuộc sống ổn định. Cháu Hoàng Thị T1, sinh ngày 9/1x/1999. Hiện nay cháu T1 đã xây dựng gia đình có cuộc sống ổn định, nên HĐXX không đặt xem xét giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị T và anh Th xác định vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng vợ chồng đã thỏa thuận với nhau song không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí chị Nguyễn Thị T chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn anh Hoàng Minh Th.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Minh Thuận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0001523 ngày 11/4/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, được chuyển thành án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi họ cư trú, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện + tỉnh
- THADS huyện Thanh Thủy
- UBND xã T
- Các đương sự
- Lưu hồ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Khoa Hương

Các thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Thân, Nguyễn Thành Lâm

Bùi Khoa Hương

Nơi nhận:

- VKSND huyện + tỉnh
- THADS huyện Thanh Thủy
- UBND xã Trung Nghĩa
- Các đương sự
- Lưu hồ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Khoa Hương